

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2026

V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Nội.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Ông Lê Văn Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Từ Thị Minh Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2026/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Tấn H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Ngô Tấn H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1995 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) và được Ủy ban nhân dân Xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 274/2002 vào ngày 12/12/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do ông H sống

không chung thủy, có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy vợ chồng không có biện pháp nào gắn lại được nên bà T quyết định ly hôn với ông H.

2. Về con chung: Quá trình sống chung bà T và ông H có 02 con chung tên Ngô Công H1, sinh năm 1996 và Ngô Quốc K, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng được cha mẹ chồng cho 03 công đất vườn hiện nay vợ chồng đứng tên quyền sử dụng đất. Nhưng nay ly hôn bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cho ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Ngô Tấn H đã được Toà án giao thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T và cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Ngô Tấn H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống bà T và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống xa nhau từ năm 2017 cho đến nay, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp nhận định:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Tấn H, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn,”. Bị đơn ông Ngô Tấn H có hộ khẩu và cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Ngô Tấn H đến phiên toà lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ngô Tấn H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Ngô Tấn H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1995. Đến ngày 12/12/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) và được Ủy ban nhân dân Xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 274 theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của bà T, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H sống không chung thủy, có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Từ năm 2017 đến nay, bà T và ông H đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Ngô Tấn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia tố tụng tại Tòa án để phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cho thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T; xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Ngô Tấn H.

[2.2] Về con chung: Theo bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày thì bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Ngô Tấn H chung sống có 02 con chung tên Ngô Công H1, sinh năm 1996 và Ngô Quốc K, sinh năm 1998. Hiện nay, các con

chung đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân. Do đó, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Còn bị đơn là ông Ngô Tấn H không có ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày vợ chồng có 03 công đất vườn do cha mẹ chồng cho, hiện đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn mà để các bên tự thỏa thuận; ông H cũng không có ý kiến. Do đó, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngọc T khẳng định bà T và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nợ chung của vợ chồng. Do không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung của vợ chồng bà T và ông H. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1, Điều 28, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Ngô Tấn H.
2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai số 0000891 ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Ngô Tấn H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp (02b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Hòa Thành, huyện Lai Vung (nay là xã Tân Dương), tỉnh Đồng Tháp; (CNKH số 274, ngày 12/12/2002).
- Các đương sự;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án (K).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Văn Nội**